

DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG KHÓA 23 CÒN NỢ HỌC PHÍ HỌC KỲ 2 NH 24-25

Tính đến hết ngày 04 tháng 03 năm 2025

STT	Mã số	Lớp học	Họ và tên		Số tiền đăng ký học phần HK2 NH 24- 25 phải nộp	Số tiền học phí Đã nộp trong HK2 NH 24-25	Số tiền nợ còn phải nộp trong HK2 NH24- 25	Ghi chú
STT	CD23CM1				64,350,000	6,930,000	57,420,000	
1	506230528	CD23CM1	Lê Thành	An	9,900,000		9,900,000	
2	506230212	CD23CM1	Trương Văn	Hiếu	8,415,000	990,000	7,425,000	
3	506230215	CD23CM1	Tôn Thất Tuấn	Huy	6,930,000	990,000	5,940,000	
4	506230322	CD23CM1	Cao Nguyễn Đăng	Khoa	6,930,000	990,000	5,940,000	
5	506230058	CD23CM1	Bùi Trung	Kiên	9,900,000	990,000	8,910,000	
6	506230443	CD23CM1	Trần Ngọc	Phong	8,415,000	990,000	7,425,000	
7	506230394	CD23CM1	Lê Thanh	Tâm	6,930,000	990,000	5,940,000	
8	506230362	CD23CM1	Nguyễn Tuấn	Tú	6,930,000	990,000	5,940,000	
STT	CD23CT1				45,540,000		45,540,000	
1	501230051	CD23CT1	Ngũ Minh	Huy	2,970,000		2,970,000	
2	501230014	CD23CT1	Vũ Nguyễn Quốc	Huy	2,970,000		2,970,000	
3	501230026	CD23CT1	Diệp Tuấn	Khải	5,445,000		5,445,000	
4	501230045	CD23CT1	Nguyễn Phước	Lộc	9,405,000		9,405,000	
5	501230012	CD23CT1	Đỗ Tấn	Minh	3,960,000		3,960,000	
6	501230041	CD23CT1	Nguyễn Văn	Nguyên	2,970,000		2,970,000	
7	501230010	CD23CT1	Phùng Thái	Nguyên	2,970,000		2,970,000	
8	501230052	CD23CT1	Nguyễn Thế	Phong	2,970,000		2,970,000	
9	501230006	CD23CT1	Nguyễn Trương Phụng	Quỳnh	2,970,000		2,970,000	
10	501230021	CD23CT1	Nguyễn Phước Quốc	Toàn	2,970,000		2,970,000	
11	501230043	CD23CT1	Đặng Minh	Triệu	2,970,000		2,970,000	
12	501230025	CD23CT1	Huỳnh Nhật	Tường	2,970,000		2,970,000	
STT	CD23CT11				122,265,000	10,395,000	111,870,000	
1	501230076	CD23CT11	Thạch Hồng	Cát	7,425,000		7,425,000	
2	501230560	CD23CT11	Hồ Quang	Dũng	6,930,000		6,930,000	
3	501230503	CD23CT11	Lai Đức	Dũng	5,940,000		5,940,000	
4	501230106	CD23CT11	Nguyễn Thành	Dương	6,930,000		6,930,000	
5	501230027	CD23CT11	Nguyễn Bảo	Duy	8,910,000		8,910,000	
6	501230577	CD23CT11	Trần Khánh	Duy	8,910,000		8,910,000	
7	501230044	CD23CT11	Nguyễn Kim	Lân	7,425,000		7,425,000	
8	501230643	CD23CT11	Trần Thị Tuyết	Linh	8,910,000		8,910,000	
9	501230135	CD23CT11	Trần Kha Hữu	Lợi	8,910,000		8,910,000	
10	501230629	CD23CT11	Hoàng Thụy Quỳnh	Như	7,425,000		7,425,000	
11	501230522	CD23CT11	Lê Hồng	Phương	7,425,000		7,425,000	
12	501230320	CD23CT11	Nguyễn Thành	Son	6,930,000		6,930,000	
13	501230318	CD23CT11	Nguyễn Viết	Tân	12,375,000	10,395,000	1,980,000	
14	501230107	CD23CT11	Đỗ Phước	Trung	8,910,000		8,910,000	
15	501230402	CD23CT11	Trần Nguyên	Trường	8,910,000		8,910,000	
STT	CD23CT12				74,745,000	990,000	73,755,000	
1	501230645	CD23CT12	Phạm Anh	Cơ	4,950,000		4,950,000	

STT	Mã số	Lớp học	Họ và tên		Số tiền đăng ký học phần HK2 NH 24- 25 phải nộp	Số tiền học phí Đã nộp trong HK2 NH 24-25	Số tiền nợ còn phải nộp trong HK2 NH24- 25	Ghi chú
2	501230644	CD23CT12	Đoàn Minh	Hiếu	4,950,000		4,950,000	
3	501230604	CD23CT12	Phạm Nguyễn Huy	Hoàng	7,920,000		7,920,000	
4	501230639	CD23CT12	Nguyễn Gia	Hùng	7,425,000		7,425,000	
5	501230612	CD23CT12	Nguyễn Văn	Khoa	8,910,000		8,910,000	
6	501230610	CD23CT12	Đào Anh	Kiệt	5,940,000		5,940,000	
7	501230615	CD23CT12	Nguyễn Võ Gia	Minh	6,930,000		6,930,000	
8	501230598	CD23CT12	Nguyễn Thanh	Nguyên	7,920,000		7,920,000	
9	501230606	CD23CT12	Võ Văn	Thiện	13,365,000	990,000	12,375,000	
10	501230640	CD23CT12	Võ Phước	Thịnh	6,435,000		6,435,000	
STT	CD23CT2				85,140,000	26,235,000	58,905,000	
1	501230428	CD23CT2	Nguyễn Hoài	Anh	8,910,000	2,970,000	5,940,000	
2	501230084	CD23CT2	Nguyễn Văn	Hoàng	10,395,000	2,970,000	7,425,000	
3	501230464	CD23CT2	Nguyễn Bảo	Lâm	7,920,000		7,920,000	
4	514230126	CD23CT2	Trần Vĩnh	Phát	8,910,000	4,455,000	4,455,000	
5	501230069	CD23CT2	Phạm Hữu	Phương	3,465,000		3,465,000	
6	501230078	CD23CT2	Ngô Văn	Quân	10,890,000	2,970,000	7,920,000	
7	501230181	CD23CT2	Lê Tuấn	Tài	7,920,000	3,960,000	3,960,000	
8	501230425	CD23CT2	Trần Lê Ngọc	Tân	9,405,000	7,920,000	1,485,000	
9	501230067	CD23CT2	Võ Chí	Tường	6,435,000		6,435,000	
10	501230146	CD23CT2	Nguyễn Thành	Vinh	10,890,000	990,000	9,900,000	
STT	CD23CT3				85,635,000	20,295,000	65,340,000	
1	501230266	CD23CT3	Lê Thị Hồng	Anh	8,910,000	7,425,000	1,485,000	
2	501230399	CD23CT3	Nguyễn Khánh	Duy	8,910,000	1,980,000	6,930,000	
3	501230340	CD23CT3	Lê Huy	Hoàng	8,910,000	990,000	7,920,000	
4	501230309	CD23CT3	Mai Hoàng	Khiêm	8,910,000		8,910,000	
5	501230314	CD23CT3	Phạm Nguyễn Anh	Khôi	7,920,000		7,920,000	
6	501230386	CD23CT3	Nguyễn Chí	Linh	8,910,000	4,950,000	3,960,000	
7	501230325	CD23CT3	Diệp Cao	Nhân	8,910,000	990,000	7,920,000	
8	501230185	CD23CT3	Ngô Ngọc	Nhân	8,910,000	3,960,000	4,950,000	
9	501230367	CD23CT3	Phan Lê Chấn	Quốc	6,435,000		6,435,000	
10	501230360	CD23CT3	Nguyễn Lữ Minh	Thông	8,910,000		8,910,000	
STT	CD23CT4				85,635,000	21,285,000	64,350,000	
1	501230270	CD23CT4	Thái Huỳnh Trung	Hiếu	8,910,000	3,960,000	4,950,000	
2	501230169	CD23CT4	Phạm Duy	Khanh	8,910,000	2,970,000	5,940,000	
3	501230350	CD23CT4	Trần Hồ Anh	Kiệt	8,910,000	990,000	7,920,000	
4	501230346	CD23CT4	Nguyễn Quang	Minh	8,415,000		8,415,000	
5	501230287	CD23CT4	Lê Thanh	Phong	8,910,000	6,435,000	2,475,000	
6	501230203	CD23CT4	Trần Đình	Phong	8,910,000		8,910,000	
7	501230103	CD23CT4	Võ Minh	Sáng	2,970,000		2,970,000	
8	501230329	CD23CT4	Võ Thuận	Son	2,970,000		2,970,000	
9	501230248	CD23CT4	Lê Tấn	Tài	8,910,000	6,930,000	1,980,000	
10	501230283	CD23CT4	Trịnh Hoàng	Thái	10,395,000		10,395,000	
11	501230180	CD23CT4	Đoàn Minh	Trí	7,425,000		7,425,000	
STT	CD23CT5				58,410,000	14,850,000	43,560,000	
1	501230331	CD23CT5	Huỳnh Trần Tiến	Khải	6,930,000		6,930,000	
2	501230184	CD23CT5	Bùi Hữu	Lộc	8,910,000		8,910,000	
3	501230238	CD23CT5	Bùi Thảo	Nhi	7,920,000	3,465,000	4,455,000	
101	501230388	CD23CT5	Vũ Đình	Phúc	7,920,000		7,920,000	
102	501230423	CD23CT5	Lâm Văn	Quyền	8,910,000	2,970,000	5,940,000	

STT	Mã số	Lớp học	Họ và tên		Số tiền đăng ký học phần HK2 NH 24- 25 phải nộp	Số tiền học phí Đã nộp trong HK2 NH 24-25	Số tiền nợ còn phải nộp trong HK2 NH24- 25	Ghi chú
103	501230228	CD23CT5	Từ Công	Son	8,910,000	990,000	7,920,000	
104	501230200	CD23CT5	Nguyễn Xuân	Trường	8,910,000	7,425,000	1,485,000	
STT	CD23CT6				79,695,000	20,790,000	58,905,000	
105	501230339	CD23CT6	Lê Nguyễn Quốc	An	10,890,000	9,405,000	1,485,000	
106	501230324	CD23CT6	Nguyễn Quốc	Hung	8,910,000		8,910,000	
107	501230094	CD23CT6	Nguyễn Phạm Hoàng	Lam	11,385,000		11,385,000	
108	501230506	CD23CT6	Triệu Khánh	Lâm	6,435,000	990,000	5,445,000	
109	501230229	CD23CT6	Nguyễn Hoàng	Luân	8,910,000	990,000	7,920,000	
110	501230509	CD23CT6	Trương Ngọc	Thông	8,910,000	2,970,000	5,940,000	
111	501230533	CD23CT6	Nguyễn Đức	Trọng	12,375,000		12,375,000	
112	501230491	CD23CT6	Phạm Thanh	Tùng	2,970,000		2,970,000	
113	501230123	CD23CT6	Phan Lu	Vỹ	8,910,000	6,435,000	2,475,000	
STT	CD23CT7				110,385,000	22,770,000	87,615,000	
114	501230559	CD23CT7	Nguyễn Quốc	Cường	9,405,000		9,405,000	
115	501230568	CD23CT7	Nguyễn Tất Thành	Đạt	8,910,000		8,910,000	
116	501230512	CD23CT7	Trần Quốc	Hiếu	10,890,000		10,890,000	
117	501230500	CD23CT7	Đặng Hải	Hoàng	12,375,000		12,375,000	
118	501230555	CD23CT7	Cao Phi	Hùng	10,395,000	2,970,000	7,425,000	
119	501230502	CD23CT7	Nguyễn Tuấn	Hung	8,910,000	2,970,000	5,940,000	
120	501230544	CD23CT7	Huỳnh Nhất	Khôi	9,405,000		9,405,000	
121	501230514	CD23CT7	Võ Minh	Long	12,870,000	2,970,000	9,900,000	
122	501230532	CD23CT7	Cao Vũ Gia	Nguyên	9,405,000		9,405,000	
123	501230495	CD23CT7	Nguyễn Thanh	Nhi	8,910,000	7,425,000	1,485,000	
124	501230558	CD23CT7	Huỳnh Văn	Tuấn	8,910,000	6,435,000	2,475,000	
STT	CD23DH1				64,845,000	12,870,000	51,975,000	
125	510230437	CD23DH1	Trần Quốc	Bảo	5,940,000	990,000	4,950,000	
126	510230459	CD23DH1	Bùi Trí	Bình	6,930,000	1,980,000	4,950,000	
127	501230257	CD23DH1	Mai Chí	Cường	6,930,000	1,980,000	4,950,000	
128	510230446	CD23DH1	Nguyễn Tấn	Đạt	8,415,000	1,980,000	6,435,000	
129	510230452	CD23DH1	Đỗ Hoàng	Khanh	5,940,000		5,940,000	
130	510230046	CD23DH1	Lê Văn	Lưu	5,940,000		5,940,000	
131	510230439	CD23DH1	Lê Hoàng	Nguyên	6,930,000	1,980,000	4,950,000	
132	501230429	CD23DH1	Trà Tấn	Quang	6,930,000	1,980,000	4,950,000	
133	510230448	CD23DH1	Trần Ngọc	Tài	6,930,000	1,980,000	4,950,000	
134	501230018	CD23DH1	Lê Hoàng Minh	Thư	3,960,000		3,960,000	
STT	CD23DH2				136,620,000	18,315,000	118,305,000	
135	510230214	CD23DH2	Lê Nguyễn Hoài	An	6,930,000	990,000	5,940,000	
136	510230619	CD23DH2	Tô Phan Trường	An	8,910,000	990,000	7,920,000	
137	510230175	CD23DH2	Lê Nguyễn Mai	Anh	6,930,000	990,000	5,940,000	
138	510230165	CD23DH2	Trần Ngọc Lan	Anh	6,930,000	990,000	5,940,000	
139	510230366	CD23DH2	Nguyễn Gia	Bảo	8,415,000	990,000	7,425,000	
140	510230258	CD23DH2	Phan Nhật	Duy	6,930,000	990,000	5,940,000	
141	510230255	CD23DH2	Nguyễn Đức	Hiếu	6,930,000	990,000	5,940,000	
142	510230433	CD23DH2	Huỳnh Minh	Khôi	9,405,000	5,445,000	3,960,000	
143	510230597	CD23DH2	Trần Lê Minh	Khôi	10,890,000		10,890,000	
144	510230136	CD23DH2	Lê Hoài	Linh	6,930,000	990,000	5,940,000	
145	510230391	CD23DH2	Trần Thị Mỹ	Linh	6,930,000	990,000	5,940,000	
146	511230145	CD23DH2	Trần Lê Trúc	Ngân	6,930,000	990,000	5,940,000	
147	510230364	CD23DH2	Khâu Vũ Kỳ	Phụng	5,940,000		5,940,000	

STT	Mã số	Lớp học	Họ và tên		Số tiền đăng ký học phần HK2 NH 24- 25 phải nộp	Số tiền học phí Đã nộp trong HK2 NH 24-25	Số tiền nợ còn phải nộp trong HK2 NH24- 25	Ghi chú
148	510230259	CD23DH2	Nguyễn Thanh	Phước	6,930,000		6,930,000	
149	510230264	CD23DH2	Nguyễn Minh	Thiện	6,930,000	1,980,000	4,950,000	
150	510230516	CD23DH2	Võ Phạm Mỹ	Tiên	9,405,000		9,405,000	
151	510230232	CD23DH2	Nguyễn Thị Hồng	Tuyết	8,910,000		8,910,000	
152	510230142	CD23DH2	Nguyễn Hoàng	Vũ	5,445,000	990,000	4,455,000	
STT	CD23DH3				96,525,000	8,910,000	87,615,000	
153	510230408	CD23DH3	Nguyễn Trần Hải	Đặng	6,930,000		6,930,000	
154	510230124	CD23DH3	Đoàn Phạm Trung	Đồng	6,930,000	1,980,000	4,950,000	
155	510230191	CD23DH3	Nguyễn Đình	Duẩn	6,930,000		6,930,000	
156	510230271	CD23DH3	Lê Thị Hồng	Dung	6,930,000	990,000	5,940,000	
157	510230289	CD23DH3	Nguyễn Thị Thu	Hương	6,930,000	990,000	5,940,000	
158	510230091	CD23DH3	Cao Phi	Long	4,950,000		4,950,000	
159	510230413	CD23DH3	Lê Trần Anh	Quân	8,910,000	990,000	7,920,000	
160	510230535	CD23DH3	Hồ Nguyễn Uyên	Thị	5,940,000	990,000	4,950,000	
161	510230419	CD23DH3	Nguyễn Thanh	Trí	4,950,000		4,950,000	
162	510230299	CD23DH3	Nguyễn Nhật	Trường	5,940,000		5,940,000	
163	510230315	CD23DH3	Huỳnh Gia	Tuấn	5,445,000		5,445,000	
164	510230404	CD23DH3	Lương Thế	Việt	10,395,000	990,000	9,405,000	
165	510230268	CD23DH3	Hà Thanh	Vinh	8,415,000		8,415,000	
166	510230316	CD23DH3	Nguyễn Quang	Vinh	6,930,000	1,980,000	4,950,000	
STT	CD23KT1				53,955,000	2,970,000	50,985,000	
167	508230293	CD23KT1	Ngô Nguyễn Anh	Khoa	7,425,000		7,425,000	
168	509230499	CD23KT1	Nguyễn Trung	Kiên	6,930,000	2,970,000	3,960,000	
169	510230138	CD23KT1	Đặng Thị Tuyết	Ngọc	7,425,000		7,425,000	
170	509230323	CD23KT1	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	5,940,000		5,940,000	
171	508230363	CD23KT1	Phạm Bùi Thanh	Trúc	5,940,000		5,940,000	
172	508230133	CD23KT1	Phạm Kiều Cẩm	Tú	7,425,000		7,425,000	
173	508230048	CD23KT1	Lê Thị Đình	Vy	5,940,000		5,940,000	
174	508230510	CD23KT1	Trần Thị Như	Ý	6,930,000		6,930,000	
STT	CD23LG1				37,125,000		37,125,000	
175	511230335	CD23LG1	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	5,940,000		5,940,000	
176	501230098	CD23LG1	Nguyễn Nhật	Huy	5,940,000		5,940,000	
177	511230280	CD23LG1	Ông Lâm Quốc	Khiêm	7,425,000		7,425,000	
178	509230582	CD23LG1	Từ Phạm Thục	Mẫn	5,940,000		5,940,000	
179	511230039	CD23LG1	Thái Phong	Nhân	5,940,000		5,940,000	
180	511230420	CD23LG1	Nguyễn Hoàng	Triều	5,940,000		5,940,000	
STT	CD23LM1				55,440,000	4,950,000	50,490,000	
181	514230538	CD23LM1	Phương Gia	Bảo	5,445,000		5,445,000	
182	514230235	CD23LM1	Bùi Trọng	Hoàng	5,445,000		5,445,000	
183	514230262	CD23LM1	Doãn Danh	Nhân	7,425,000		7,425,000	
184	514230421	CD23LM1	Trương Ngọc Yến	Quỳnh	5,445,000		5,445,000	
185	514230243	CD23LM1	Nguyễn Đức	Tín	6,435,000		6,435,000	
186	506230030	CD23LM1	Nguyễn Thanh	Toàn	9,900,000	3,960,000	5,940,000	
187	514230183	CD23LM1	Đinh Hải	Triều	8,910,000	990,000	7,920,000	
188	501230442	CD23LM1	Đào Kim Nhật	Vương	6,435,000		6,435,000	

STT	Mã số	Lớp học	Họ và tên		Số tiền đăng ký học phần HK2 NH 24- 25 phải nộp	Số tiền học phí Đã nộp trong HK2 NH 24-25	Số tiền nợ còn phải nộp trong HK2 NH24- 25	Ghi chú
STT	CD23MK1				65,340,000	3,960,000	61,380,000	
189	512230552	CD23MK1	Chu Thị Tuyết	Anh	7,920,000	990,000	6,930,000	
190	512230050	CD23MK1	Nguyễn Minh	Chính	5,445,000		5,445,000	
191	512230489	CD23MK1	Huỳnh Nguyễn Công	Hậu	5,445,000		5,445,000	
192	512230140	CD23MK1	Nguyễn Huỳnh Nhật	Huy	7,920,000	990,000	6,930,000	
193	512230462	CD23MK1	Nguyễn Duy	Khương	6,435,000	990,000	5,445,000	
194	512230463	CD23MK1	Lương Gia	Ngân	6,435,000		6,435,000	
195	512230609	CD23MK1	Lê Thị Thảo	Nguyên	5,445,000		5,445,000	
196	512230488	CD23MK1	Nguyễn Mỹ	Nguyên	5,445,000		5,445,000	
197	512230530	CD23MK1	Lê Thị Minh	Phương	9,405,000	990,000	8,415,000	
198	512230237	CD23MK1	Nguyễn Đức	Trí	5,445,000		5,445,000	
STT	CD23QT1				131,670,000	9,900,000	121,770,000	
199	507230624	CD23QT1	Nguyễn Lê Chí	Bảo	6,930,000		6,930,000	
200	507230596	CD23QT1	Võ Hồng	Bảo	6,930,000		6,930,000	
201	507230252	CD23QT1	Lý Thị Thùy	Danh	7,920,000	990,000	6,930,000	
202	507230217	CD23QT1	Bùi Việt	Đức	7,920,000	990,000	6,930,000	
203	507230148	CD23QT1	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	6,930,000		6,930,000	
204	507230104	CD23QT1	Huỳnh Minh	Hiếu	7,920,000	990,000	6,930,000	
205	507230584	CD23QT1	Trần	Kha	7,920,000	990,000	6,930,000	
206	507230383	CD23QT1	Phan Vĩnh	Khang	9,900,000	4,950,000	4,950,000	
207	512230295	CD23QT1	Lý Trần Lập	Phi	8,415,000		8,415,000	
208	507230277	CD23QT1	Lê Xuân	Quân	9,405,000		9,405,000	
209	512230011	CD23QT1	Nguyễn Văn	Quang	8,415,000		8,415,000	
210	507230453	CD23QT1	Huỳnh Mộng Tổ	Uyên	7,920,000		7,920,000	
211	512230352	CD23QT1	Trần Lê Tuyết	Vi	9,405,000	990,000	8,415,000	
212	507230307	CD23QT1	Nguyễn Đức	Việt	9,405,000		9,405,000	
213	507230297	CD23QT1	Nguyễn Quang	Vinh	8,415,000		8,415,000	
214	507230063	CD23QT1	Lê Thị	Yến	7,920,000		7,920,000	
STT	CD23TD1				40,590,000		40,590,000	
215	513230468	CD23TD1	Huỳnh Nguyễn Khánh	Ngọc	12,375,000		12,375,000	
216	513230485	CD23TD1	Phạm Văn	Sang	6,930,000		6,930,000	
217	513230467	CD23TD1	Ngô Thị Minh	Trâm	12,375,000		12,375,000	
218	513230359	CD23TD1	Trần Công	Vinh	8,910,000		8,910,000	
STT	CD23TM1				64,845,000		64,845,000	
219	502230206	CD23TM1	Sơn Trọng	Hữu	7,920,000		7,920,000	
220	502230096	CD23TM1	Trần	Lâm	6,930,000		6,930,000	
221	502230635	CD23TM1	Lê Đức	Nghĩa	2,475,000		2,475,000	
222	502230197	CD23TM1	Cái Đình	Pháp	6,930,000		6,930,000	
223	502230087	CD23TM1	Hà Huy Hoàng	Phúc	9,405,000		9,405,000	
224	502230415	CD23TM1	Nguyễn Duy	Sang	6,930,000		6,930,000	
225	502230137	CD23TM1	Phan Hoàng	Thịnh	8,910,000		8,910,000	
226	501230144	CD23TM1	Trần Đức	Tuấn	8,415,000		8,415,000	

STT	Mã số	Lớp học	Họ và tên		Số tiền đăng ký học phần HK2 NH 24- 25 phải nộp	Số tiền học phí Đã nộp trong HK2 NH 24-25	Số tiền nợ còn phải nộp trong HK2 NH24- 25	Ghi chú
227	501230302	CD23TM1	Nguyễn Anh	Văn	6,930,000		6,930,000	
STT	CD23TT1				84,645,000	14,850,000	69,795,000	
228	517230465	CD23TT1	Đinh Hồng	Điền	8,415,000	2,475,000	5,940,000	
229	517230593	CD23TT1	Đặng Thị Thùy	Dung	6,930,000	990,000	5,940,000	
230	517230207	CD23TT1	Võ Phan Anh	Duy	8,415,000	990,000	7,425,000	
231	517230578	CD23TT1	Trần Thị Mỹ	Duyên	6,930,000	2,970,000	3,960,000	
232	517230638	CD23TT1	Trần Thị Trúc	Phương	6,930,000	990,000	5,940,000	
233	517230056	CD23TT1	Phạm Văn	Quyển	9,900,000	990,000	8,910,000	
234	517230529	CD23TT1	Đặng Hoàng Kim	Sang	6,930,000	990,000	5,940,000	
235	517230549	CD23TT1	Phạm Duy	Tân	11,385,000	990,000	10,395,000	
236	517230380	CD23TT1	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	6,930,000		6,930,000	
237	517230405	CD23TT1	Lương Thế	Vinh	11,880,000	3,465,000	8,415,000	
STT	CD23TW1				35,640,000		35,640,000	
238	518230222	CD23TW1	Trần Trung	Cường	8,910,000		8,910,000	
239	518230536	CD23TW1	Nguyễn Lê Trung	Hải	7,425,000		7,425,000	
240	518230407	CD23TW1	Nguyễn Thị Tú	Nữ	8,415,000		8,415,000	
241	518230172	CD23TW1	Lê Nguyễn Hoài Minh Tân	Phát	10,890,000		10,890,000	
			TỔNG CỘNG		1,679,040,000	221,265,000	1,457,775,000	

Ngày 04 tháng 03 năm 2025

Hiệu trưởng

Kế toán trưởng

Lập bảng

ThS. Lê Vũ Hùng

Huỳnh Thị Đức Trinh

Tô Thị Thanh Nhân